ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 352 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 12 năm 2016*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q.NGÃI
CV ĐẾN Số: 11902
Ngày 16/12/16
Chuyển:

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2016 Và định hướng nhiệm vụ cải cách hành chính trong thời gian đến của tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Công văn số 725/BNV-CCHC ngày 01/3/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và báo cáo cải cách hành chính hàng năm, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2016, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về tổ chức, chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 -2020 và các văn bản quy định của Trung ương về cải cách hành chính, năm 2016, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, trong đó quy định những công việc cụ thể giao cho các ngành, địa phương triển khai thực hiện theo lộ trình đã đề ra từng năm và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện[1]. Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính cụ thể, các nhiệm vụ trọng tâm của ngành, địa phương để làm cơ sở triển khai và tổ chức thực hiện.

---

[1] Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 về kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2016 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 721/KH-UBND ngày 19/02/2016 về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 716/KH-UBND ngày 19/02/2016 Truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 306/QĐ-TU ngày 25/2/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc diện BTV Tỉnh ủy Quản lý trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; Chỉ thị số 17CT-UBND ngày 10/11/2016 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 5095/UBND-NC ngày 14/9/2016 về việc tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

Đồng thời, UBND tỉnh tổ chức sơ kết việc thực hiện cải cách hành chính giai đoạn I (2011-2015) nhằm làm rõ những ưu, khuyết điểm, tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân để có biện pháp khắc phục và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn II (2016-2020) của tỉnh để tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả trong những năm tiếp theo; UBND tỉnh tham mưu Ban Cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết thực hiện Kết luận số 135-KL/TU ngày 08/12/2011 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ bảy khóa (XVIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 (Báo cáo số 19-BC/BCS ngày 18/02/2016); trình Tỉnh ủy Đề án và Nghị quyết về Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 và đã được Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 khóa XIX thông qua. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh khóa XII - Kỳ họp thứ 4 ban hành Nghị quyết để UBND tỉnh làm căn cứ chỉ đạo triển khai thực hiện.

Thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 35/NQ-NQ ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch và Chương trình hành động triển khai thực hiện; đồng thời, tổ chức Hội nghị "Phân tích, đánh giá kết quả PCI năm 2015 và giải pháp cho những năm tiếp theo" để các sở, ngành tỉnh triển khai thực hiện và đề ra những giải pháp để từng bước nâng cao chỉ số PCI cấp tỉnh.

2. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

Thực hiện kế hoạch thanh tra năm 2015, 2016, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ thanh tra công tác nội vụ, trong đó có nội dung kiểm tra về công tác cải cách hành chính tại một số đơn vị. Trên cơ sở đó, Sở Nội vụ đã tiến hành thanh tra, kiểm tra về công tác cải cách hành chính tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải, Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm và UBND các huyện: Sơn Tịnh, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Đức Phổ. Qua đó đã kịp thời phát hiện và kiến nghị các cơ quan, đơn vị khắc phục những tồn tại, hạn chế và phát huy những mặt tích cực để công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương ngày càng được tốt hơn.

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung trong công tác cải cách hành chính ở các cấp, các ngành luôn được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh quan tâm và kịp thời chỉ đạo tổ chức thực hiện đạt hiệu quả; các cơ quan, đơn vị thường xuyên phối hợp với các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh - Truyền hình của Trung ương, của tỉnh tổ chức tuyên truyền sâu, rộng tới các tổ chức,

doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về các nội dung chương trình cải cách hành chính.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 và Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 3/8/2016 về việc bổ sung kinh phí tuyên truyền Cải cách hành chính năm 2016.

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã quán triệt mục đích, ý nghĩa của công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, xác định cải cách thủ tục hành chính là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đây là yếu tố góp phần tích cực trong quản lý Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, tích cực xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh, đáp ứng lòng tin của người dân, bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp; cụ thể:

Trong năm qua, Sở Tư pháp đã tổ chức 03 lớp tập huấn, tuyên truyền về CCHC cho gần 600 cán bộ, công chức các sở, ban, ngành. Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì tổ chức 11 cuộc họp giao ban báo chí đã lồng ghép nội dung nhận xét, đánh giá tình hình và định hướng tuyên truyền thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính; triển khai thực hiện tuyên truyền trực quan bằng hình thức băng rôn, Pano...; tuyên truyền xe lưu động tại khu vực đông dân cư của 14 huyện, thành phố trong tỉnh; xuất bản 04 kỳ bản tin cải cách hành chính với số lượng trung bình: 18 tin, 2 bài và 15 tin ngắn/số và phát hành 04 số đặc san (số lượng phát hành 500 cuốn/số); Hội thảo Hợp tác phát triển công nghệ thông tin và truyền thông lần thứ XX được tổ chức tại Quảng Ngãi với chủ đề Công nghệ thông tin - truyền thông với biển đảo Việt Nam; phối hợp với Đài truyền thanh các huyện, thành phố mở chuyên mục tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính phát trên sóng của đài mỗi tháng 01 kỳ.

- Báo Quảng Ngãi đã triển khai 12 số chuyên trang "Cải cách hành chính" trên báo in, với số lượng tin, bài, ảnh trên 80 sản phẩm.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã triển khai công tác tuyên truyền trên hai sóng: Trên kênh phát thanh với 24 chuyên mục "cải cách hành chính" (02 số/tháng, thời lượng 10 phút/ chuyên mục); phát sóng gần 160 tin, bài, 20 lượt phổ biến các chủ trương, văn bản chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính trong chuyên mục "tiếp chuyện bạn nghe đài" và chuyên mục tìm hiểu pháp luật; Trên kênh truyền hình đã phát 12 chuyên mục cải cách hành chính; 12 chuyên mục Quảng Ngãi nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; phổ biến văn bản pháp luật và 170 tin, bài, phóng sự tuyên truyền về cải cách hành chính. Ngoài ra, trong các bản tin, trang tin điện tử của các cơ quan, đơn vị cũng thường xuyên có chuyên trang tuyên truyền về nội dung cải cách hành chính như: Bản tin Tư pháp, bản tin Hội Luật gia, bản tin Hội đồng

nhân dân, Trang thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương:

- Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Để đảm bảo cho công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đi vào nền nếp và quy định cụ thể trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh trong việc tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức quản lý, triển khai thực hiện trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước; đối với các văn bản liên quan đến hoạt động phối hợp của các ngành, các địa phương lấy ý kiến tham gia rộng rãi để tiếp thu trước khi ban hành. Nhờ đó chất lượng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh ban hành ngày càng được nâng lên và mang tính khả thi cao.

Năm 2016, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành 84 văn bản quy phạm (trong đó 56 Quyết định và 28 Nghị quyết). Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật đều được ban hành đúng trình tự, thủ tục qua các khâu như: xây dựng dự thảo, đánh giá tác động và thực trạng lấy ý kiến góp ý, tổng hợp ý kiến tham gia góp ý, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, gửi Sở Tư pháp thẩm định, tiếp thu hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định nên nội dung văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật và có tính khả thi cao.

- Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật

Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật ngày càng được chú trọng nâng cao chất lượng, gắn kết chặt chẽ hơn với công tác kiểm soát thủ tục hành chính từ đó các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh thực hiện, hiệu quả và đảm bảo đúng quy trình, hồ sơ thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Trong năm 2016, đã tổ chức thẩm định đúng tiến độ, kịp thời dự thảo văn bản quy phạm của HĐND và UBND tỉnh do các sở, ban, ngành chuyển đến; từ chối thẩm định 19 văn bản của các sở, ngành do chưa tuân thủ trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật (đối với dự thảo văn bản có quy định về thủ tục hành chính). Việc thẩm định văn bản quy phạm có quy định về thủ tục hành chính được tiến hành đúng quy định.

b) Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản:

- Chỉ đạo Sở Tư pháp tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh và

tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2015 *(tại Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 19/02/2016)* với tổng số 63 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và một phần trong năm 2015, gồm 55 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 08 văn bản hết hiệu lực một phần; đồng thời, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành có nội dung liên quan đến các quy định về biển; qua rà soát kết quả có 06 văn bản quy phạm pháp luật đều còn hiệu lực đến thời điểm báo cáo, các văn bản được ban hành có nội dung phù hợp với quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển. Tuy nhiên, để đảm bảo mức độ tương thích của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về biển với các điều ước quốc tế về biển mà Việt Nam đã và dự định ký kết, Sở Tư pháp đã kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới để thay thế đối với 02 văn bản; phối hợp với Sở Tài chính rà soát và lập danh mục các văn bản quy phạm pháp luật quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tư pháp; phối hợp với Sở Nội vụ rà soát và lập danh mục các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành không thuộc lĩnh vực tổ chức nhà nước nhưng có quy định về tổ chức, bộ máy và biên chế do Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh ban hành.

c) Về kiểm tra văn bản:

- Tự kiểm tra 56 văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành và lựa chọn kiểm tra một số văn bản cá biệt có chứa quy phạm của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. Đồng thời, chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp cùng các sở, ngành như: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Cục thuế, Hải quan,... thực hiện việc tự kiểm tra một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, ngành Trung ương; phối hợp với sở, ngành có liên quan thực hiện việc lập danh mục, tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí, thi hành án dân sự, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, thuế hải quan.

- Kiểm tra 73 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các huyện, thành phố sau khi ban hành; hoàn thành việc thực hiện kiểm tra văn bản tại HĐND và UBND huyện Tây Trà, Minh Long, Sơn Tây và Trà Bồng.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Công tác cải cách TTHC luôn được xác định là khâu đột phá trong các nội dung cải cách hành chính trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã xác định cải cách TTHC là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính của tỉnh. Do đó, UBND tỉnh đã ban

hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, cập nhật, đơn giản hóa TTHC để trình UBND tỉnh công bố, công bố lại bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết nhằm tạo điều kiện cho tổ chức và công dân biết, thực hiện và giám sát.

Đồng thời, kiện toàn hệ thống cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh; tổ chức hội nghị tập huấn cấp tỉnh về công tác kiểm soát TTHC cho cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC của 07 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh cho 110 cán bộ, công chức làm đầu mối cấp huyện, cấp xã tham dự; hệ thống công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC đã phát huy vai trò trong việc tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách, kiểm soát TTHC tại các cơ quan đơn vị, địa phương. Bên cạnh đó, việc tham gia ý kiến và thẩm định đối với TTHC cũng được quan tâm chú trọng, không để tình trạng TTHC được ban hành mà chưa được đánh giá tác động và chưa có ý kiến tham gia của các ngành, các cơ quan có thẩm quyền, góp phần quan trọng trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật, quy định TTHC của tỉnh. Kết quả cụ thể như sau:

a) Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính:

Tổ chức lấy ý kiến góp ý và thẩm định việc ban hành văn bản quy phạm có quy định về TTHC đối với 09 dự thảo văn bản do các sở, ngành soạn thảo: quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư; quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; quy định về trình tự thực hiện giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng dự án trên địa bàn tỉnh; quy định cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với các văn bản, quy định của cấp trên, đồng thời đảm bảo tính khả thi áp dụng trong thực tế trên địa bàn tỉnh.

b) Về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính:

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá 312 TTHC thuộc 12 lĩnh vực. Đặt trọng tâm là cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, giải phóng mọi nguồn lực xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo đảm điều kiện cho nền kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và bền vững. Yêu cầu các sở, ngành, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết 19-2016/NQ – CP và Nghị quyết 43/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ cải cách hành chính trong hình thành và thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh, chấp thuận việc áp dụng cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết TTHC. Kết quả đã rà soát quy định, thủ tục hành chính trọng tâm của các sở, ngành, địa phương đối với 24 thủ tục hành chính thuộc 9 lĩnh vực, đã đề xuất UBND tỉnh phương án đơn giản hóa đối với 10 thủ tục hành

chính thuộc 5 lĩnh vực, hầu hết các TTHC đã được đơn giản hóa về thành phần hồ sơ, giảm thời gian giải quyết.

c) Công bố, công khai thủ tục hành chính:

Nhằm đảm bảo yêu cầu về công khai, minh bạch TTHC, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 05 quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 05 sở (Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường) với 47 TTHC (trong đó, 42 TTHC mới ban hành, 02 TTHC sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ 03 TTHC). Thực hiện đăng nhập 156 TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Đối với việc công bố chuẩn hóa TTHC theo ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tư pháp tại Công văn số 1529/BTP-KSTT ngày 12/5/2016, Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố chuẩn hóa bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải với 112 TTHC *(Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 16/6/2016)* và Sở Y tế.

Việc niêm yết công khai TTHC tại nơi làm việc và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: nhìn chung các sở, ngành, địa phương thực hiện tốt, rõ ràng, minh bạch để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính. Bên cạnh đó các thủ tục hành chính, các giấy tờ, biểu mẫu đều được công khai trên trang thông tin thành phần và trên mạng Internet qua Cổng thông tin điện tử tỉnh – Portal.

d) Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức:

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC được triển khai thực hiện kịp thời; trong năm 2016, đã tiếp nhận và kịp thời xử lý 27 phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân liên quan đến TTHC. Đối với phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc giải quyết TTHC, nhất là lĩnh vực đất đai, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan giải quyết theo thẩm quyền. 100% các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý xong, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người phản ánh, kiến nghị.

đ) Về công tác kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC:

UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC năm 2016 trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 28/01/2016); chỉ đạo kiểm tra đột xuất hoạt động tiếp nhận và giải quyết TTHC, việc niêm yết công khai TTHC tại 03 đơn vị *(UBND xã Nghĩa Thương, xã Nghĩa Mỹ huyện Tư Nghĩa; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố Quảng Ngãi)* để chấn chỉnh những tồn tại trong công tác niêm yết, tiếp nhận giải quyết TTHC; thực hiện kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC tại 06 cơ quan, đơn vị *(UBND huyện Tây Trà, xã Trà Phong; UBND*

huyện Sơn Hà, thị trấn Di Lăng; Công an tỉnh và Công an thành phố Quảng Ngãi).

3. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, cơ chế một cửa theo hướng hiện đại

Đã ban hành 06 Quyết định phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa, một cửa theo hướng hiện đại tại các Sở: Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện: Trà Bồng, Bình Sơn, Ba Tơ, đồng thời, ban hành 04 Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói mua sắm thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm theo Đề án thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại UBND các huyện Trà Bồng, Mộ Đức, Tư Nghĩa và Sở Công Thương.

Đến nay, có 18/22 sở, ban, ngành *(Ban Dân Tộc, Thanh tra tỉnh,Văn phòng HĐND tỉnh vì số lượng thủ tục hành chính thực hiện tại cơ chế một cửa ít nên không xây dựng Đề án một cửa; Văn phòng UBND tỉnh chỉ phối hợp thực hiện)* và 13/14 huyện, thành phố thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, cơ chế một cửa theo hướng hiện đại *(huyện Sơn Tịnh trước đã thực hiện nhưng sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thì tạm dừng chờ xây dựng trụ sở mới).*

Đã có 09/14 địa phương và 03 sở được phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa theo hướng hiện đại, trong đó, có 06 địa phương và 02 sở đã chính thức đi vào hoạt động *(UBND thành phố, UBND các huyện: Sơn Hà, Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Trà Bồng; Sở kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương);* Sở Tài nguyên và môi trường, UBND các huyện: Nghĩa Hành, Bình Sơn, Ba Tơ đang trong giai đoạn đầu tư, hoàn thiện; Sở Giao thông vận tải đã khai trương, đưa vào hoạt động Cổng thông tin điện tử dịch vụ hành chính công để cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 cho tổ chức, công dân; UBND huyện Sơn Hà đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho công dân qua Internet, các hồ sơ được đăng ký và tiếp nhận qua mạng gồm 04 thủ tục hành chính: Đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép xây dựng, cấp lại bản chính giấy khai sinh, cấp các giấy tờ hộ tịch cho người đủ 14 tuổi trở lên; đồng thời công dân có thể theo dõi, tra cứu kết quả giải quyết hồ sơ của mình thông qua mạng, qua màn hình cảm ứng đặt tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua tin nhắn SMS.

Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục thuế tỉnh thực hiện cơ chế một cửa liên thông theo Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia trong cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp và mã số thuế là một), tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp rút ngắn thời gian thành lập và sớm gia nhập vào thị trường; Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa liên thông trên một số lĩnh vực đã được Chủ tịch UBND

tỉnh phê duyệt, ngày càng phục vụ tốt hơn cho tổ chức và cá nhân đến quan hệ giải quyết công việc.

Đối với các xã, phường, thị trấn, hiện có 172/184 xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa; còn 12 xã thuộc huyện miền núi chưa triển khai thực hiện, trong đó huyện Minh Long 03 xã (Long Môn, Long Sơn, Thanh An), huyện Tây Trà có 09/09 xã chưa thực hiện (được UBND huyện phê duyệt nhưng với đặc thù của xã miền núi, thủ tục hành chính ít nên chưa triển khai).

* Nhìn chung, việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, cơ chế một cửa theo hướng hiện đại của các sở, ngành, địa phương trong thời gian qua từng bước được hoàn thiện và nâng cao chất lượng, bước đầu khắc phục tình trạng chậm trễ, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; giảm bớt phiền hà, tiêu cực, những nhiễu trong quá trình giải quyết công viêc cho tổ chức, cá nhân, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Về phân cấp quản lý nhà nước:

Thời gian qua, UBND tỉnh đã đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền trên một số lĩnh vực quản lý nhà nước cho các sở, ngành, địa phương theo nguyên tắc cấp nào quản lý có hiệu quả hơn thì giao cho cấp đó, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền được phân cấp; tạo sự chủ động trong chỉ đạo, quản lý, điều hành, tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan trong công tác quản lý, từng bước khắc phục việc trông chờ, ỷ lại vào sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp trên; giảm bớt một số quy trình, thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết công việc tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân đến quan hệ giải quyết công việc cụ thể:

- Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, phân cấp, ủy quyền một số nội dung trên các lĩnh vực: Quản lý đầu tư xây dựng; cấp phép xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quản lý ngân sách, tài chính, tài sản nhà nước; đất đai, tài nguyên, khoáng sản; bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức, quản lý công chức, viên chức.

- Đối với UBND cấp huyện, phân cấp một số lĩnh vực: Tuyển dụng viên chức, công chức cấp xã, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đô thị, quản lý, khai thác công trình thủy lợi, giao thông, khoáng sản, thủy sản, đất đai, nhà ở.

- Đối với UBND cấp xã, phân cấp một lĩnh vực: Tư pháp (chứng thực, hộ tịch); xây dựng cơ bản; làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, các dự án phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách kết hợp với các nguồn vốn do dân đóng góp.

Để tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn tỉnh (*tại Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 22/9/2016*).

b) Về tổ chức bộ máy:

- Đối với cơ quan hành chính:

Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương:

UBND tỉnh triển khai thực hiện tổ chức, sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo đúng quy định; chỉ đạo rà soát chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện để sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh phù hợp với quy định và yêu cầu thực tiễn

+ Cấp tỉnh:

UBND tỉnh đã rà soát, ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 18/21 sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh. Hiện còn 03 sở: *(Sở Y tế, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư)* chưa ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức do chờ phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập trên trên địa bàn tỉnh.

+ Cấp huyện: Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố rà soát, ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc để làm căn cứ hoạt động, bước đầu khắc phục được trình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan với nhau.

+ Cấp xã: Trên cơ sở Quyết định số 77/2006/QĐ-TTg ngày 12/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ, UBND các xã, phường, thị trấn đã ban hành quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên UBND để làm cơ sở hoạt động.

c) Về cơ cấu tổ chức:

- Các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Cấp tỉnh: Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban Kinh tế - Ngân sách; Ban Văn hóa - Xã hội; Ban Pháp chế; Ban Dân tộc.

+ Cấp huyện: 14 Ban Kinh tế - Xã hội (kiêm nhiệm); 14 Ban Pháp chế (kiêm nhiệm); 14 bộ phận chuyên môn giúp việc cho HĐND cấp huyện do Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện đảm nhận.

- Các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện là 209, trong đó:

+ Cấp tỉnh: 37 *(cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh 19, Chi cục trực thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: 17 và Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi).*

+ Cấp huyện: 172 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện:

+ Cấp xã: 184 xã, phường, thị trấn với tổng số 11 chức vụ, 07 chức danh/01 xã, phường, thị trấn.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

UBND tỉnh đã xây dựng Đề án sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2025:

+ Phê duyệt Đề án thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Quảng Ngãi; Đề án thành lập Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ngãi; thành lập: Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi, trên cơ sở tổ chức lại Phòng Giám định pháp y thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên Diên Hồng tỉnh Quảng Ngãi; Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tách Khoa Sản, Khoa Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh; ban hành quy định và sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Sản - Nhi; Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn; Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tổ chức lại Trường Giáo dục trẻ khuyết tật tỉnh; thành lập tổ chức, đơn vị thuộc Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi; 03 Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành trực thuộc UBND tỉnh.

+ Ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Quản lý dự án công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; việc xác định loại hình đơn vị sự nghiệp công lập đối với Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Quy chế Khu bảo tồn biển Lý Sơn.

+ Quyết định đổi tên và chuyển giao nguyên trạng Trung tâm GDTX-HN&DN; Trung tâm DN-GDTX&HN các huyện[2] trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện, trực thuộc UBND cấp huyện; bổ sung chức năng cho đội Quản lý trật tự đô thị huyện Bình Sơn.

---

[2] Ba Tơ, Minh Long, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Lý Sơn, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Tây, Sơn Hà.

+ Giải thể Văn phòng Quỹ bảo trợ đường bộ; thay thế thành viên Hội đồng Trường ĐH Phạm Văn Đồng; xếp hạng và xếp hạng lại cho các đơn vị sự nghiệp ngành Y tế, Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi.

d) Về tinh giản biên chế và nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc:

- Tổng số công chức hành chính thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108 và nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc theo quy định của Nhà nước trong năm 2015 - 2016 là 172 người, trong đó:

+ Thực hiện chính sách tinh giản biên chế là 58 người;

+ Nghỉ hưu đúng tuổi là 122 người.

- Tổng số viên chức sự nghiệp thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108 và nghỉ hưu đúng tuổi, thôi việc theo quy định của Nhà nước trong năm 2015 - 2016 là 1.333 người, trong đó:

+ Thực hiện chính sách tinh giản biên chế là 547 người;

+ Nghỉ hưu đúng tuổi là 786 người.

Nhìn chung, việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp trong các sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố được thực hiện nghiêm túc, công khai và đúng quy định của Nhà nước. Số lượng biên chế được giao cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Số lượng biên chế giao tăng chủ yếu ở khối sự nghiệp, nhất là sự nghiệp giáo dục (mầm non) và sự nghiệp y tế (do tăng giường bệnh; tăng trường, lớp học). Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện hết chỉ tiêu biên chế được giao; biên chế sự nghiệp giáo dục ở một số địa phương thừa số lượng nhưng thiếu về cơ cấu...

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ từ khâu quy hoạch, tuyển chọn, đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh thường xuyên quan tâm, chú trọng đến công tác đổi mới và nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo đúng quy định tại Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức" và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 13/10/2011 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020. Kết quả cụ thể như sau:

a) Tổ chức rà soát cơ cấu công chức, viên chức:

- Về số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện:

Đến nay, toàn tỉnh có 2.169 cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên, trong đó:

+ Cơ cấu ngạch công chức: có 22 chuyên viên cao cấp và tương đương (chiếm 1,01%), 248 chuyên viên chính và tương đương (chiếm 11,43%), 1.674 chuyên viên và tương đương (chiếm 77,18%), 197 cán sự và tương đương (chiếm 9,08%) và còn lại là 28 nhân viên (chiếm 1,29%).

+ Trình độ chuyên môn: 02 tiến sĩ (chiếm 0,09%), 05 chuyên khoa II (chiếm 0,23%), 281 thạc sĩ (chiếm 12,96%), 09 chuyên khoa I (chiếm 0,41%), 1.672 đại học (chiếm 77,09), 53 cao đẳng (chiếm 2,44%), 131 trung cấp (chiếm 6,04%), 16 sơ cấp (chiếm 0,74%).

+ Trình độ lý luận chính trị: 44 cử nhân (chiếm 2,03%), 577 cao cấp (chiếm 26,60%), 459 trung cấp (chiếm 21,16%), sơ cấp 481 (chiếm 22,18%), chưa qua đào tạo 608 (chiếm tỷ lệ 28,03%).

Nhìn chung, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện được nâng lên rõ rệt trong những năm qua, số cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học trở lên là 1.969 người (chiếm 90,78%).

- Về số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã:

Về số lượng: hiện có 3.743 người, gồm 1.939 cán bộ, chiếm 51,80%; 1.804 công chức chiếm 48,20%.

Về chất lượng:

+ Trình độ văn hóa: THPT 3.525 người, chiếm 94,18%; THCS 200 người, chiếm 5,34%; Tiểu học 18 người, chiếm 0,48%.

+ Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Sau Đại học 10 người, chiếm 0,27%; Đại học 1.402 người, chiếm 37,46%; Cao đẳng 116 người, chiếm 3,10%; Trung cấp 1.781 người chiếm 47,58 %; Sơ cấp 53 người, chiếm 1,42%; chưa qua đào tạo 381 người, chiếm 10,18 %.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp 81 người, chiếm 2,14%; Trung cấp 1.993 người, chiếm 53,25%; Sơ cấp 628 người, chiếm 16,78 %; chưa qua đào tạo 1.041 người, chiếm 27,81%.

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Để tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020.

- UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi năm 2016 tại Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 29/02/2016; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức cấp cơ sở tại Quyết định số 124/QĐ-TTg

ngày 16/01/2014 của Chính phủ; Kế hoạch đào tạo sĩ quan dự bị bằng nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2017 – 2020; Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức y tế của Bệnh viện Sản – Nhi giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch bồi dưỡng cho đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2016 – 2021.

Rà soát các cơ chế chính sách và sửa đổi bổ sung Đề án đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; ban hành văn bản gửi UBND các huyện miền núi đăng ký nhu cầu đào tạo theo chế độ cử tuyển năm 2016, trong đó có yêu cầu nêu cụ thể đơn vị dự kiến bố trí cho học sinh cử tuyển sau khi tốt nghiệp ra trường; tổ chức mở 14 lớp bồi dưỡng cho 1.560 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia bao gồm: 02 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; 02 lớp bồi dưỡng chương trình ngạch chuyên viên chính; 02 lớp bồi dưỡng chương trình ngạch chuyên viên; lớp kỹ năng phát ngôn, thông tin đối ngoại và quan hệ với truyền thông; lớp nghi thức giao tiếp trong quan hệ ngoại giao và kỹ năng giao tiếp trong quan hệ công chúng; 02 lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức về hội nhập quốc tế; lớp kỹ năng tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách và giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính của địa phương; lớp kiến thức, kỹ năng hội nhập quốc tế; lớp kỹ năng giao tiếp, văn hóa công sở và đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; 02 lớp trung cấp Lý luận chính trị - hành chính. Đồng thời trong năm 2016 thực hiện việc đào tạo chuyển tiếp các lớp đại học, trung cấp chính trị - hành chính cho 858 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

Trong năm 2016, tỉnh đã cử 119 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học, gồm: 06 tiến sĩ, 95 thạc sĩ, 02 chuyên khoa cấp II và 16 chuyên khoa cấp I. Đồng thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh cử 08 công chức, viên chức tham gia các khóa bồi dưỡng, học tập ở nước ngoài.

- Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2016; mở 11 lớp bồi dưỡng cho 1.315 lượt cán bộ, công chức cấp xã tham gia, gồm các lớp bồi dưỡng sau: lớp kiến thức quản lý văn hóa; hội nhập quốc tế; 02 lớp kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, tổ chức kiểm tra hành chính, xử phạt hành chính và cưỡng chế hành chính; lớp kỹ năng tiếp dân và thực hiện các quy chế dân chủ cơ sở; lớp quản lý nhà nước về nông nghiệp; lớp văn phòng – thống kê; lớp xây dựng nông thôn mới; lớp kỹ năng giao tiếp hành chính và văn hóa công sở, chuẩn mực xử sự trong thực thi nhiệm vụ; lớp công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và công tác đăng ký, quản lý hộ tịch của UBND cấp xã.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2014 - 2020 theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ, mở 04 lớp bồi dưỡng tin học văn phòng cho 88 cán bộ, công chức cấp xã.

- Ban hành văn bản gửi các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đăng ký danh sách cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng[3] trong năm 2016 và phối hợp với cơ sở đào tạo tổ chức lễ khai giảng và bế giảng các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch.

- Phê duyệt Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, trong năm 2016 đã tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo phụ trách CNTT-CIO(tháng 10/2016); Tổ ứng cứu sự cố mạng máy tính trong các cơ quan nhà nước; đang triển khai khảo sát và thu thập số liệu về nguồn nhân lực công nghệ thông tin và an toàn an ninh thông tin tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng viết bài và kỹ thuật phát thanh cho đối tượng làm công tác truyền thanh tại cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về thông tin đối ngoại cho cán bộ lãnh lãnh đạo, cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại cấp Sở, ngành và huyện, thành phố.

c) Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức thông qua việc xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, chuyển loại đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

Thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 05/2003/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và Quyết định số 2035/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh đã phê duyệt hầu hết Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố; đồng thời, chỉ đạo triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, Phòng Y tế.

---

[3] Kiến thức hội nhập quốc tế; Kỹ năng tiếp dân và thực hiện các quy chế DCCS; Lãnh đạo cấp phòng năm 2016; lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng xây dựng, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội cấp xã năm 2016; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng xây dựng, chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội năm 2016 (02 lớp); bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế năm 2016; kỹ năng phát ngôn, thông tin đối ngoại và quan hệ với truyền thông; nghi thức giao tiếp trong quan hệ ngoại giao và kỹ năng giao tiếp trong quan hệ công chúng; quản lý nhà nước chương trình chuyên viên năm 2016; chức danh Văn phòng – Thống kê; kỹ năng giao tiếp hành chính và văn hóa công sở, chuẩn mực xử sự trong thực thi nhiệm vụ; kỹ năng tham mưu, đề xuất các chủ trương, chính sách và giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính của địa phương; kỹ năng phát ngôn, thông tin và quan hệ với truyền thông; kỹ năng tham mưu, đề xuất chính sách và cải cách hành chính năm 2016; cập nhật kiến thức về Hội nhập quốc tế theo chương trình của Viện chính sách công – Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; kiến thức quản lý nhà nước về nông nghiệp; công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và công tác đăng ký, quản lý hộ tịch của UBND cấp xã; kiến thức về xây dựng nông thôn mới; bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính năm 2016; bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, văn hóa công sở và đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp năm 2016

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác định kỳ chuyển đổi và thời hạn chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan, đơn vị nhà nước; Quyết định của UBND tỉnh Quy định về luân cán bộ, công chức, viên chức.

Đến năm 2016, đã có 440 công chức được chuyển đổi vị trí công tác, trong đó có 170 công chức thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; 48 công chức thuộc UBND cấp huyện; 222 công chức thuộc UBND cấp xã được chuyển đổi. Những chức danh, vị trí công tác được chuyển đổi phần lớn phù hợp với danh mục, vị trí cần chuyển đổi theo quy định như: Quản lý xây dựng cơ bản, quản lý ngân sách, quản lý đầu tư, giá, công sản; công tác thanh tra; công tác tài chính - kế toán, địa chính - xây dựng, tư pháp xã, phường, thị trấn ...Trong đó, những chức danh được chuyển đổi nhiều nhất là tài chính - kế toán, địa chính - xây dựng xã, phường, thị trấn.

Qua việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đã cơ bản khắc phục được tính trì trệ trong thực thi nhiệm vụ, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tạo động lực khuyến khích số cán bộ trẻ có triển vọng phát triển, phấn đấu vươn lên để sớm trở thành cán bộ nguồn kế cận, cán bộ lãnh đạo các cấp của tỉnh. Thực hiện nghiêm quy định về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động cán bộ, công chức, viên chức các cấp.

Hoàn thành việc rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2015-2020 và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020-2025 và tiếp tục thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với CCVC phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới.

d) Công tác nhận xét đánh giá cán bộ, công chức:

Đánh giá cán bộ, công chức ảnh hưởng đến tất cả các khâu khác của công tác cán bộ, có ý nghĩa quyết định trong việc phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ cũng như giúp cán bộ phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và hiệu quả công tác.

Trong những năm qua, công tác đánh giá cán bộ, công chức đã có chuyển biến cả về nhận thức và cách làm, có những mặt tiến bộ nhất định, nhìn chung đã thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

- Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện 2015:

Tổng số cán bộ, công chức là 2.169 người, trong đó: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 727 người, tỉ lệ: 33,52%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 1.343 người, tỉ lệ: 61,92%; hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực: 51 người, tỉ lệ: 2,35%; không hoàn thành nhiệm vụ: 05người, tỉ lệ: 0,23%; chưa

thực hiện đánh giá *(do mới tuyển dụng chưa đủ thời gian đánh giá và số công chức cử đi đào tạo dài hạn tập trung)* 43 người, tỷ lệ: 1,98%.

- Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức cấp xã năm 2015:

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 3.743 người, trong đó: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 577 người, tỉ lệ: 15,42%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 2.988 người, tỉ lệ: 79,83%; hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực: 170 người, tỉ lệ: 4,54%; không hoàn thành nhiệm vụ: 08 người, tỉ lệ: 0,21%.

đ) Đề cao trách nhiệm người đứng đầu và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ:

- Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của tỉnh Quảng Ngãi (Quyết định 20); Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 13/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương không dùng bia, rượu trong buổi trưa của các ngày làm việc (Chỉ thị 31); Quyết định 306-QĐ/TU ngày 25/5/2016 của Tỉnh ủy Quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và Chỉ thị 17/CT-UBND ngày 10/11/2016 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Qua đó kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị đã có những chuyển biến tích cực; ý thức trách nhiệm của các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng lên rõ rệt, thể hiện trong việc tiếp xúc với công dân, ý thức giải quyết công việc, giờ giấc làm việc được thực hiện nghiêm túc; hạn chế tình trạng đi trễ về sớm, la cà quán xá và uống rượu, bia trong giờ làm việc; chấp hành tốt việc thực hiện chế độ hội họp, đi công tác ngoài tỉnh...

5. Cải cách tài chính công

a) Về thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Kết quả triển khai thực hiện trên địa bàn như sau:

Năm 2016: Tổng số cơ quan cấp tỉnh thực hiện tự chủ đã xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ là 45/45 đơn vị đạt 100%,. Các cơ quan cấp huyện: 253/253 đơn vị đạt 100%; Tổng số cơ quan cấp huyện đã xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ là 252/253 đơn vị, thực hiện 99,6%.

Qua quá trình tự chủ, tự chịu trách nhiệm, các cơ quan, đơn vị quản lý và thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; các đơn vị thực hiện tiết kiệm chi chủ yếu từ các khoản kinh phí khoán chi văn phòng phẩm, khoán chi công tác phí, tiết kiệm điện, nước, báo chí, ...; hạn chế sử

dụng xe ô tô công trong công tác, trong sử dụng điện thoại công, trong photocopy tài liệu, hạn chế hội nghị không thật sự cần thiết, ...

b) Về thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP

Năm 2016, các đơn vị sự nghiệp công trên địa bàn tỉnh đã được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; theo đó có 998 tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, 19 sở, ban ngành, hội đoàn thể và 14 huyện, thành phố *(cấp tỉnh có 116 đơn vị, cấp huyện có 699 đơn vị và 183 trạm y tế xã)*. Trong đó: có 938 đơn vị sự nghiệp do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, chiếm 93,98%; có 53 đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, chiếm 5,31% *(trong đó: Đơn vị tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% có 34 đơn vị, chiếm 64,15%; đơn vị tự đảm bảo từ 30% đến 50% có 06 đơn vị, chiếm 11,32%; đơn vị tự đảm bảo từ trên 50% đến dưới 100% có 13 đơn vị, chiếm 24,53%)* và có 07 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên, chiếm 0,71%. Các đơn vị đã xây dựng và thực hiện quyền tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ về xây dựng kế hoạch về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, về tổ chức bộ máy, nhân sự, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để quản lý, sử dụng kinh phí được giao, tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho viên chức và người lao động theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, các đơn vị sự nghiệp của tỉnh có nguồn thu không lớn hoặc không có điều kiện, khả năng phát triển hoạt động sự nghiệp có thu trong lĩnh vực hoạt động của mình. Do vậy, việc đề ra giải pháp phát triển nguồn thu của nhiều đơn vị còn hạn chế. Giải pháp thực hiện cơ chế tự chủ tại nhiều đơn vị chủ yếu là tiết kiệm chi từ kinh phí hoạt động thường xuyên cũng như từ nguồn thu được để lại để tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức và người lao động nhưng không trích lập các quỹ. Nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước cấp hoặc đặt hàng. Chưa phát huy được khả năng cung cấp được dịch vụ công chất lượng cao cho xã hội.

Đối với đơn vị thuộc huyện: Nhìn chung đơn vị sự nghiệp do huyện quản lý có nguồn thu nhỏ, kinh phí tiết kiệm chủ yếu từ nguồn ngân sách cấp nên chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức thấp; tính khuyến khích, động viên viên chức còn hạn chế.

6. Hiện đại hóa hành chính

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 1242/KH-UBND ngày 22/3/2016 về xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2017; Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin. Trong năm 2016, UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông triển khai sử dụng phần mềm dịch vụ hành chính công trực tuyến vào công tác quản lý, điều hành và phục vụ người dân và tổ chức; thông tin phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến người dân và tổ chức có liên quan tham gia sử dụng các dịch vụ công; đề nghị các cơ quan

nhà nước trên địa bàn tỉnh trong năm 2016 tăng cường triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; tham mưu UBND tỉnh xây dựng Dự án trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (Datacenter) và đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (tại Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 25/4/2016).

Công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý văn bản được thực hiện thông qua hệ thống eOffice; triển khai ứng dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Trang tin điện tử của tỉnh hoạt động liên tục và hiệu quả; kịp thời cập nhật thông tin phản ánh tình hình kinh tế - xã hội, sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; công khai chuyển tải thông tin bộ thủ tục hành chính cấp xã, huyện và các sở cho tổ chức và công dân biết. Đến nay hầu hết các sở, ban, ngành đều có trang tin điện tử thành phần trên Website tỉnh.

Mô hình một cửa điện tử hiện đại: đã triển khai xây dựng và ứng dụng tại 6/14 UBND cấp huyện (huyện: Sơn Hà, Đức Phổ, Trà Bồng, Mộ Đức, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi) và 03 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh (Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương) để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và tổ chức. Trong thời gian tới, mô hình một cửa hiện đại được tiếp tục đầu tư triển khai và đưa vào vận hành tại các địa phương còn lại.

Về dịch vụ công trực tuyến: Đến nay đã cung cấp 100% dịch vụ hành chính công mức độ 2 được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin của các cơ quan, đơn vị chuyên ngành. Về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đã thực hiện: 17 dịch vụ công thuộc lĩnh vực Xây dựng; 03 dịch vụ công thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải và 07 dịch vụ công cấp huyện (UBND huyện Sơn Hà); đã xây dựng hoàn thành và cung cấp 07 nhóm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (tại địa chỉ http://dichvucong.quangngai.gov.vn) trên mạng Internet để phục vụ cho tổ chức và công dân trong các lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, tư pháp, lao động thương binh và xã hội, báo chí, xuất bản và y tế.

Thực hiện duy trì, vận hành Cổng TTĐT tỉnh hoạt động ổn định, an toàn; Thực hiện cơ chế ngăn chặn các trang web, đường dẫn có nguy cơ lây nhiễm mã độc trên hệ thống tường lửa của Cổng TTĐT.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra, thiết lập các cơ chế, chính sách an ninh cho hệ thống Cổng TTĐT, dữ liệu được sao lưu (backup) theo định kỳ; chuyển đổi toàn bộ dữ liệu còn liên quan đến Trang thông tin điện tử tỉnh sang Cổng thông tin điện tử. Trỏ tên miền ubnd.quangngai.gov.vn (vận hành Trang tin cũ) về Cổng thông tin điện tử từ ngày 01/04/2016.

Xây dựng và đưa vào hoạt động chuyên mục "Góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên cổng TTĐT", tạo chuyên trang và cung cấp hướng dẫn, tài khoản cho 21 đơn vị; xây dựng chuyên mục thông báo tìm người bị tuyên bố mất tích trên Cổng TTĐT;

Thực hiện tối ưu hóa dữ liệu nhằm tăng tốc độ truy cập, giảm thiểu hiện tượng tắc nghẽn do dữ liệu lớn. Tách dữ liệu cho subsite của các đơn vị trên Cổng TTĐT. Đến nay đã tổ chức lưu trữ riêng dữ liệu cho 23 trong tổng số 29 Cổng thành phần của các đơn vị nhằm tối ưu hóa tốc độ truy cập thông tin và tài nguyên của hệ thống. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng đã tiếp nhận yêu cầu và hỗ trợ các đơn vị vận hành Cổng thành phần trên Cổng TTĐT.

UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; đã tổ chức 4 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng chứng thư số cho lãnh đạo, cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và văn thư của các đơn vị trong tỉnh. Đến nay, đã tiếp nhận và bàn giao lại cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh 420 chứng thư số. Tuy nhiên việc ứng dụng chữ ký số trên địa bàn tỉnh vẫn còn chậm, điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin của một số cơ quan chưa đáp ứng cho việc triển khai.

- Việc ứng dụng ISO trong hoạt động của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh:

Tổ chức Hội nghị tập huấn về việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và nghiệp vụ kiểm tra Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 cho 20 cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của UBND tỉnh. Năm 2016, tổng số đơn vị thực hiện xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 là 19 CQHCNN; nâng tổng số CQHCNN xây dựng và áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008 trên địa bàn tỉnh hiện nay là 33/47 cơ quan; việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã nâng cao tính minh bạch và công khai các thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân liên hệ giải quyết công việc

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm:

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về CCHC luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm chú trọng. Các văn bản chỉ đạo, điều hành được ban hành trên tất cả các lĩnh vực CCHC và được các sở, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện.

Công tác thông tin tuyên truyền về CCHC đã được quan tâm chỉ đạo thường xuyên hơn, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh hiểu rõ hơn

về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của chương trình cải cách hành chính. Tinh thần, thái độ, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức đã có sự chuyển biến rõ rệt.

Đổi mới nội dung, phương pháp công tác kiểm tra, giám sát. Qua đó, đã phát hiện kịp thời những thiếu sót, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện, từ đó đề ra những biện pháp chấn chỉnh kịp thời. Việc tổ chức các cuộc kiểm tra đã góp phần chỉ đạo, đôn đốc, các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các nội dung cải cách hành chính đặc biệt qua việc kiểm tra, giám sát cũng góp phần chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, thái độ, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ công vụ và phục vụ nhân dân.

Cải cách thể chế

Công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL đã được HĐND, UBND các cấp quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện. Các văn bản ban hành nhìn chung phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, đáp ứng yêu cầu công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành tại địa phương. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản đã được chủ động thực hiện, đảm bảo đúng kế hoạch. Qua kiểm tra, rà soát văn bản đã phát hiện văn bản có sai phạm, nội dung không còn phù hợp và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Cải cách thủ tục hành chính

Hệ thống văn bản QPPL quy định về TTHC và hỗ trợ triển khai thực hiện công tác cải cách TTHC ngày càng được hoàn thiện.

TTHC được công khai, minh bạch giúp người dân tiếp cận, nghiên cứu tìm hiểu các quy định, TTHC từ đó tăng cường vai trò giám sát của người dân khi thực hiện TTHC.

Việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp tiếp tục được duy trì và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại đạt nhiều kết quả tích cực, được quan tâm đầu tư nâng cấp, hoạt động đi vào nề nếp, hiệu quả. Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị bố trí bộ phận một cửa đáp ứng các yêu cầu về diện tích, trang thiết bị và nhân lực...được nâng lên. Việc quy định rõ các TTHC đưa ra giải quyết tại bộ phận một cửa tạo sự rõ ràng, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

UBND tỉnh đã ban hành các quyết định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh theo hướng phân cấp mạnh hơn, tăng quyền hạn nhiều hơn cho các sở, cơ

quan thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập. Nhìn chung, việc sắp xếp tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, xác định quy chế làm việc, quy chế phối hợp công tác đã được các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước đã có sự chuyển biến tích cực.

Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

Việc phân cấp, phân quyền trong quản lý công chức ngày càng được đẩy mạnh. Giảm quy mô công vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy gọn nhẹ, tránh chồng chéo, tiếp tục tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Đề án vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức là cơ sở để thực hiện việc đổi mới công tác quản lý biên chế, xây dựng chức danh, tiêu chuẩn, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch đối với công chức, viên chức; tổ chức rà soát, sắp xếp đội ngũ công chức, viên chức; đổi mới công tác đánh giá phục vụ công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tiến tới giao khoán quỹ tiền lương cho các cơ quan, đơn vị theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên thông qua việc thực hiện đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu; công tác tuyển chọn cán bộ lãnh đạo quản lý đơn vị sự nghiệp, việc tuyển dụng công chức, viên chức khách quan, dân chủ, công bằng đúng các quy định của pháp luật.

Cải cách tài chính công

Thực hiện cải cách tài chính công đã đề cao tính tự chủ, thay đổi phương thức quản lý, giảm áp lực tăng biên chế; đề cao ý thức tiết kiệm, nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức. Từ đó nâng cao hiệu quả làm việc, tăng thu nhập chính đáng, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức phấn khởi, yên tâm công tác.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập tạo điều kiện cho đơn vị chủ động tổ chức hoạt động dịch vụ tăng nguồn thu, chủ động phân bổ nguồn tài chính của đơn vị theo nhu cầu chi tiêu đối với từng lĩnh vực trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực hiệu quả. Các đơn vị đã chủ động lập phương án đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm định phân loại đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 43/2006/NĐ- CP.

Hiện đại hóa nền hành chính

Cơ sở vật chất các cơ quan nhà nước được tăng cường, hầu hết các cơ quan nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin trong giao ban trực tuyến, điều hành, xử lý, giải quyết văn bản và các công việc chuyên môn trên môi trường mạng.

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh được triển khai diện rộng và đạt hiệu quả.

Việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở các cơ quan hành chính, nhất là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được quan tâm đầu tư. Trụ sở làm việc các cơ quan từ cấp xã đến cấp tỉnh cơ bản đảm bảo đủ diện tích làm việc, phương tiện, trang thiết bị được hiện đại hóa góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn.

2. Những tồn tại, hạn chế:

Cải cách hành chính được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của mỗi cấp, mỗi ngành, cơ quan, đơn vị và được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp uỷ đảng, sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện tập trung, quyết liệt của chính quyền, thủ trưởng cơ quan và sự tham gia tích cực của các tổ chức đoàn thể. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tiễn, công tác cải cách hành chính vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định:

- Nhận thức của lãnh đạo một số cơ quan chưa đầy đủ, chưa thống nhất về nhiệm vụ cải cách hành chính, do đó chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện ở cơ quan, đơn vị mình, đặc biệt ở cấp cơ sở.

- Công tác ban hành văn bản chưa được đầu tư đúng mức nên chất lượng văn bản quy phạm pháp luật chưa cao. Một số sở, ngành thực hiện việc gửi dự thảo văn bản QPPL để thẩm định còn chưa đảm bảo thời gian, quy trình, thành phần hồ sơ theo quy định. Sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn tham mưu giúp việc cho HĐND, UBND trong việc soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản có lúc còn chưa thường xuyên, chặt chẽ; chưa có sự tích cực, chủ động tham mưu khi các văn bản QPPL của nhà nước điều chỉnh lĩnh vực quản lý của ngành có sự thay đổi. Chất lượng soạn thảo, xây dựng văn bản QPPL của một số cơ quan, ban, ngành, phòng chuyên môn còn hạn chế; công tác kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị vẫn chưa quyết liệt và sâu sát; chưa xử lý kịp thời những sai sót, hạn chế sau khi có kết luận kiểm tra, nhất là việc xử lý trách nhiệm cán bộ, công chức trực tiếp làm nhiệm vụ giải quyết TTHC có dấu hiệu để xảy ra sai sót vẫn chưa được quan tâm xử lý; nhiều phản ánh, kiến nghị của người dân về tiêu cực, tồn tại trong giải quyết TTHC chưa được chỉ đạo giải quyết kịp thời.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; chưa chú trọng cử đi đào tạo chuyên sâu các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Trong công tác nhận xét, đánh giá cán bộ nhiều cơ quan, đơn vị chưa bám sát yêu cầu, đánh giá còn chung chung, chưa căn cứ vào hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; vẫn còn tình trạng xuê xoa, nể nang, thiếu khách quan.

- Cán bộ, công chức đảm trách nhiệm vụ cải cách hành chính ở sở, ngành, địa phương đa số thực hiện kiêm nhiệm, lại thay đổi thường xuyên nên việc theo dõi không liên tục nên hiệu quả chưa cao.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chuyển đổi vị trí công tác còn mang tính sắp xếp, bố trí theo yêu cầu nhiệm vụ.

- Định mức kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện còn mang tính bình quân *(chủ yếu theo chỉ tiêu biên chế)* chưa tính đến nhiệm vụ, đặc điểm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, do đó chưa tác động tích cực đối với việc thực hiện cơ chế tự chủ.

- Cơ chế một cửa ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn mang tính hình thức, thủ tục hồ sơ, phí, lệ phí niêm yết chưa đầy đủ, kịp thời; kỷ luật kỷ cương ở một số sở, ban, ngành, địa phương vẫn chưa thực hiện nghiêm túc; một số công chức được giao nhiệm vụ thực hiện chưa đến nơi đến chốn; một bộ phận cán bộ, công chức còn có những điểm yếu về phẩm chất, tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp và văn hóa ứng xử với tổ chức và công dân chậm được phát hiện và xử lý kịp thời; đội ngũ cán bộ, công chức ở Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chủ yếu là kiêm nhiệm; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành của các cơ quan hành chính chưa triệt để. Việc áp dụng công nghệ thông tin công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết ở một số địa phương còn chậm, hiệu quả chưa cao; điều kiện cơ sở vật chất ở hầu hết các sở, ngành, địa phương vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ công tác cải cách hành chính; việc nhân rộng mô hình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại còn hạn chế.

- Mặc dù hạ tầng công nghệ thông tin nhìn chung đã tăng lên mức khá của cả nước nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho các cơ quan, đơn vị. Nhiều máy tính đã được trang bị từ lâu, tốc độ xử lý chậm. Đối với cấp xã hạ tầng còn hạn chế không đáp ứng được nhiều cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin mở rộng từ tỉnh xuống huyện và xuống cấp xã.

- Còn nhiều sở, ban, ngành chưa chủ động xây dựng được các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành để nâng cao năng lực quản lý và phục vụ công tác chuyên môn. Tại cấp xã đa số vẫn chưa có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tác nghiệp.

- Dịch vụ công trực tuyến chỉ đạt ở mức độ 2, các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tổ chức và công dân tham gia sử dụng chưa nhiều. Tỷ lệ đăng ký doanh nghiệp qua mạng còn quá thấp (chỉ mới 2%), chưa triển khai cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng (do chưa có phần mềm). So với mặt bằng chung cả nước tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn xếp hạng ở mức thấp về việc triển khai ứng dụng mô hình một cửa, một cửa liên thông điện tử hiện đại.

- Một số trụ sở cơ quan hành chính chưa được đầu tư xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Nguồn lực (tài chính và nhân lực) phục vụ cho công tác cải cách hành chính còn hạn chế.

IV. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Cải cách thể chế

- Thể chế hóa và tổ chức thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách của Trung ương; sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách của tỉnh để giải quyết các vướng mắc trong thực tiễn; huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định để thực hiện. Có cơ chế huy động các chuyên gia, nhà khoa học và đối tượng chịu sự điều chỉnh tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, cản trở sự phát triển, những thủ tục tạo kẻ hở cho những nhiễu, tiêu cực. Ưu tiên rà soát, điều chỉnh, bổ sung thủ tục hành chính liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, đầu tư, đất đai, xây dựng, sở hữu nhà ở, thuế, hải quan, xuất nhập khẩu, y tế, tiếp cận điện năng, quản lý thị trường.

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương với cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan hành chính nhà nước, dịch vụ công và các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tạo bước đột phá trong khâu tổ chức thực hiện trong tất cả các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm rà soát, đề nghị cấp thẩm quyền bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp; chủ động tham mưu ban hành cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền; chịu trách nhiệm giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính liên thông; chủ động cắt giảm hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính; ban hành quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan, địa phương để kiểm soát việc thực hiện.

- Thực hiện công khai, minh bạch thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Xử lý nghiêm việc tùy tiện đặt ra những quy định trái pháp luật và các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- Thủ tục hành chính công của các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện được tập trung giải quyết tại một đầu mối. Các xã, phường, thị trấn có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân. Ban hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa liên thông, hiện đại" từ xã đến tỉnh và giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Ban hành Quy định về công khai xin lỗi của cán bộ, công chức và người đứng đầu khi vi phạm quy định về giải quyết thủ tục hành chính; tiêu chí, quy trình và thực hiện việc lấy ý kiến về mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của công chức, cơ quan nhà nước.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính. Định kỳ tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo các ngành, các cấp với tổ chức, công dân về thủ tục hành chính, về tinh thần, thái độ phục vụ của công chức, cơ quan nhà nước.

3. Xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy từ tỉnh đến cơ sở tinh gọn, tránh chồng chéo, trùng lắp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ; rà soát, quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh phân cấp quản lý, ban hành quy chế phối hợp, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan hành chính.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện đạt kết quả thực chất Đề án vị trí việc làm; thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất quản lý biên chế; cho chủ trương, định hướng về bố trí biên chế; về phân công, phân cấp gắn với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và nâng cao trách nhiệm phản biện của tổ chức, cá nhân trong thực hiện sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế; phát hiện những vấn đề bất hợp lý để điều chỉnh kịp thời, bảo đảm sự quản lý thống nhất, đúng quy định.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách chế độ công vụ, công chức

- Gắn thực hiện chủ trương tinh giản biên chế với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức công vụ, có kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng làm việc thành thạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách tuyển dụng, bố trí, đánh giá cán bộ phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Cán bộ, công chức được tuyển dụng phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với công tác tuyển dụng, thực hiện các hình

thức công khai thông tin và các điều kiện thuận lợi để nhân dân giám sát công tác tuyển dụng công chức. Thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phù hợp với từng đối tượng cán bộ, công chức.

- Bổ nhiệm, giới thiệu, bầu cử các chức danh lãnh đạo, quản lý phải căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ có số dôi; không quy hoạch, bổ nhiệm lần đầu cán bộ lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh từ cấp phòng trở lên đối với những người sinh từ sau năm 1975 trở đi nhưng không có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy (trường hợp đặc biệt do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định). Thí điểm thực hiện chế độ tiến cử các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp; thực hiện chế độ tập sự lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ trẻ, có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt *(xây dựng quy định cụ thể về thời gian tập sự, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ khi được bổ nhiệm tập sự lãnh đạo, quản lý và cơ chế bổ nhiệm chính thức sau khi hoàn thành thời gian tập sự).*

- Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức thực chất, khách quan, công bằng trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, lấy chất lượng, hiệu quả, tính chủ động, sáng tạo làm thước đo. Nguyên tắc đánh giá: người đứng đầu đánh giá người thuộc quyền quản lý; cấp trên đánh giá cấp dưới trực tiếp gắn với coi trọng thông tin phản ánh mức độ hài lòng của các đối tượng trực tiếp giao dịch với cán bộ, công chức. Sa thải, miễn nhiệm, cách chức cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, không hoàn thành nhiệm vụ; kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ, công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác thanh tra, kiểm tra công vụ đối với cán bộ, công chức. Tăng cường tính công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình với người dân. Lấy việc thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, sự hài lòng của tổ chức và công dân làm thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, người đứng đầu cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức.

5. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính công

- Đổi mới cơ chế lập, phân bổ ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính nhà nước trên cơ sở kết quả công việc đầu ra và chất lượng hoạt động theo mục tiêu, nhiệm vụ của từng cơ quan hành chính nhà nước; nâng cao hiệu quả việc thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; mở rộng việc thực hiện thí điểm giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho cấp xã theo các quy định của Trung ương.

- Tăng quyền tự chủ của cơ quan, đơn vị trong thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí và tiền lương, tiền thưởng để nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, khuyến khích, động viên cán bộ, công chức làm việc tích cực.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ để đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính; năm 2018, đưa vào hoạt động Trung tâm dịch vụ hành chính công của tỉnh và khu chính trị - hành chính công huyện Lý Sơn để thực hiện giải quyết thủ tục hành chính của cả 02 cấp (huyện và xã); các huyện, thành phố căn cứ vào điều kiện thực tế, xây dựng lộ trình hình thành và đưa vào hoạt động các trung tâm dịch vụ hành chính công.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính; từng bước phổ cập về tin học, kỹ năng sử dụng internet cho cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân; xây dựng chính quyền điện tử gắn với công dân điện tử.

- Hoàn thành kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản ở tất cả các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và 70% cấp xã trước ngày 01/01/2018. Đầu tư cơ sở hạ tầng bảo đảm cung cấp hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3, 4 tới tổ chức và công dân. Bổ sung, nâng cấp và tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, địa phương lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; phối hợp tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Nâng cao chất lượng, đẩy mạnh thực hiện mô hình "một cửa điện tử hiện đại", "một cửa liên thông điện tử hiện đại"; thiết lập tổng đài hành chính công của tỉnh; hoàn thành và đưa vào vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh trong năm 2017.

- Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng, cải tạo trụ sở cơ quan hành chính nhà nước, hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Triển khai rộng rãi việc vận hành ISO hành chính theo hướng tin học hóa quản lý hành chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Kính báo cáo Bộ Nội vụ, cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông;
- VPUB: CVP, PCVP(NC); TH, CBTH;
- Lưu: VT, $NC_{lmc1261}$.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng